

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BT

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 03-4-2025.

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

+Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Minh**

2. Bà **Nguyễn Hoàng Bích Loan**

-Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 535/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-02-2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 22/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 18-3-2025, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Đỗ Thị G**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: thôn Tuy Tĩnh 2, xã Phong Phú, TP, BT.

- Bị đơn: **Nguyễn Ngọc Anh T**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: thôn Tuy Tĩnh 2, xã Phong Phú, TP, BT.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn, nguyên đơn **Đỗ Thị G** trình bày: bà với ông **Nguyễn Ngọc Anh T** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và có hai con chung **Nguyễn Hoài Thương** (sinh năm 1993) và **Nguyễn Bảo Trường** (sinh năm 1999). Do hôn nhân không hạnh phúc nên bà và ông **Tuấn** thuận tình ly hôn vào năm 2006. Sau khi ly hôn, ông **Tuấn** nhiều lần thuyết phục

nên vợ chồng quay lại chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2011 ngày 05/12/2011. Tuy nhiên, do tính tình ông Tuấn không thay đổi, không thể tiếp tục chung sống được nên bà Gái bỏ đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm giúp việc 10 năm, đến năm 2020 dịch Covid bùng phát nên bà quay về nhà cha mẹ ruột ở xã Phước Thê, huyện TP sinh sống đến nay. Nay, bà Gái nhận thấy hôn nhân của bà không có hạnh phúc và thực tế cả hai đã không còn chung sống với nhau hơn 10 năm nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tuấn. Sau khi tái hôn, bà và ông Tuấn không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

2. Đối với bị đơn-Nguyễn Ngọc Anh T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Tuấn không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Đỗ Thị G có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa bà với ông Nguyễn Ngọc Anh T - có nơi thường trú tại thôn Tuy Tịnh 2, xã Phong Phú, huyện TP, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, yêu cầu ông Tuấn đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng ông Tuấn từ chối và không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Ngọc Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn ông Nguyễn Ngọc Anh T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Đỗ Thị G và ông Nguyễn Ngọc Anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong

Phú, huyện TP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 05-12-2011 nên hôn nhân giữa bà Gái và ông Tuấn là hôn nhân hợp pháp. Bà Gái yêu cầu ly hôn với ông Tuấn với lý do hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông Tuấn đến giải quyết nhưng Tuấn không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Tuấn không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Hơn nữa, thực tế giữa bà Gái và ông Tuấn đã không còn chung sống với nhau hơn 10 năm nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Gái và ông Tuấn không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Gái.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày sau tái hôn, bà Gái và ông Tuấn không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đỗ Thị G phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị G đối với ông Nguyễn Ngọc Anh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 05-12-2011 của Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện TP, BT hết hiệu lực kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: bà Đỗ Thị G phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007271, ngày 11-12-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

3. Quyền kháng cáo: bà Đỗ Thị G có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Ngọc Anh T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND BT;
- VKSND TP;
- THADS huyện TP;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền